

Biểu 1: HIỆN TRẠNG RỪNG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Báo cáo số 288/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

[illegible]

Biểu 2: TỔNG HỢP CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ BẢO VỆ RỪNG, KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 288/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

[illegible]

Biểu 3: TỔNG HỢP CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN RỪNG, QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 288/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 2021-2025		Chia theo năm					Ghi chú
			Tổng	Bình quân	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trồng rừng tập trung									
1.1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng									
a	Rừng đặc dụng	ha								
b	Rừng phòng hộ	ha								
1.2	Trồng rừng sản xuất		1,500	300	300	300	300	300	300	
a	Trồng mới	ha								
b	Trồng tái canh sau khai thác chính	ha	1,500	300	300	300	300	300	300	
2	Trồng cây phân tán	nghìn cây	2,000	400	300	400	400	450	450	
3	Chăm sóc rừng		2,500	500	500	500	500	500	500	
	Rừng trồng phòng hộ, đặc dụng	ha								
	Rừng trồng sản xuất	ha	2,500	500	500	500	500	500	500	
4	Diện tích rừng gỗ nhỏ chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn	ha								
5	Phát triển lâm sản ngoài gỗ	ha								
6	Quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng		10,050	2,010	7,993	2,057	-	-	-	
6.1	Diện tích rừng có phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt		10,050	2,010	7,993	2,057	-	-	-	
a	Rừng tự nhiên	ha								
b	Rừng trồng	ha	10,050	2,010	7,993	2,057				

[illegible]

Biểu 4: DANH MỤC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP (các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển)

(Kèm theo Báo cáo số 288 /BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC - KT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			KH năm 2021 đã được giao và điều chỉnh			KH năm 2022		KH năm 2023		KH năm 2024		KH năm 2025		Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: Vốn bố trí nguồn NSTW giai đoạn 2016-	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:										
											Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng																								
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 (dự án đã được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)																								
II	Dự án khởi công mới (dự án được địa phương đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)																								
1	Hạ tầng Quản lý Bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững VQG Tràm Chim	2021-2025	950/QĐ-UBND .HC, ngày 14/7/2021	72,917	50,000				65,000	50,000		50,000	5,000	5,000		5,000	15,000	15,000	25,000	25,000	20,000	5,000			
2	Bảo tồn và phát triển sinh vật đặc trưng ở phân khu A3 Vườn quốc gia Tràm Chim	2021-2025							38,000																Ngân sách địa phươn g và vốn khác

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC - KT	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				KH năm 2021 đã được giao và điều chỉnh				KH năm 2022		KH năm 2023		KH năm 2024		KH năm 2025		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: Vốn bố trí nguồn NSTW giai đoạn 2016-	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:										
											Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB									
3	Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh	2021-2025						16,000	16,000				2,859	2,859			3,889	3,889	3,084	3,084	3,084	3,084	3,084	3,084	
4	Trồng cây xanh phân tán thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh của Chính phủ	2021-2025						50,000	11,660				1,749	1,749			2,332	2,332	2,332	2,332	2,624	2,624	2,624	2,624	

(Kèm theo Báo cáo số 288 /BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

[illegible]

[illegible]

**Biểu 6: TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 288 /BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Hạng mục	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ %	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	
	TỔNG	528.795		
I	Ngân sách nhà nước	347.196	65.66	
a	Ngân sách trung ương	55.16		
<i>a</i>	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	29.16		
<i>b</i>	<i>Vốn sự nghiệp</i>	26		
2	Ngân sách địa phương	292.036		
<i>a</i>	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	51.631		
<i>b</i>	<i>Vốn sự nghiệp</i>	240.405		
II	Nguồn vốn hợp pháp khác	181.599	34.34	
1	Dịch vụ môi trường rừng	3.55		
2	Tín dụng			
3	Nguồn vốn từ doanh nghiệp, Tổ chức, cá nhân tự			
a	Bảo vệ rừng			
b	Trồng rừng sản xuất, chế biến lâm sản			
4	Nguồn vốn khác	178.049		